TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 17-7-2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Hường và ông Phạm Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST–HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị Yến N - Sinh năm: 1993 – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: ông Nguyễn Tấn B - Sinh năm: 1989 – Vắng mặt.

Địa chỉ: P, P, N, Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án như sau:

1. *Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2023 và tại Bên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ lập ngày 15/6/2023, nguyên đơn bà Trần Thị Yến N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn*:

Về hôn nhân: bà N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn với ông B vào năm 2021 theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/2021 ngày 09/4/2021 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Tự ý sống cách xa nhau từ tháng 4/2021 cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống cách xa nhau không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống. Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông B.

Về con chung: không có;

Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

2. *Ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bị đơn được thông báo về việc khởi kiện, triệu tập lấy lời khai, thông báo thời gian xét xử vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.

3. *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N phát Bểu về thủ tục tố tụng cũng như nội dung giải quyết vụ án được tóm tắt như sau*:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng, đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của nguyên đơn bà Trần Thị Yến N đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn B và buộc bà Trần Thị Yến N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn", quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân:

Xét lời trình bày của bà N về tình trạng hôn nhân phù hợp với Bên bản xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương nơi bị đơn cư trú nên có đủ cơ sở để xác định được: Do bất đồng quan điểm sống, bà N và ông B đã tự ý sống cách xa nhau từ tháng 4/2021 cho đến nay. Việc tự ý sống cách xa nhau, không còn quan tâm tới nhau đã vi phạm nghiêm trọng tình nghĩa vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông B.

[2.2]. Về con chung: Không có con chung nên không xem xét;

[2.3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

[3]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử lý về án phí là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận cho bà Trần Thị Yến N được ly hôn với ông Nguyễn Tấn B.

Về án phí: bà Trần Thi Yến N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Trần Thị Yến N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo Bên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007402 ngày 27-3-2023, bà Trần Thị Yến N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hường **Phạm Ngọc Minh** **Trần Văn Tùng**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Phước Sơn, N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

BÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi: 09h00', ngày 30 tháng 10 năm 2020

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyên N, tỉnh Ninh Thuận.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hường và bà Bá Thị Thu Vân

Tiến hàn nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 331/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Trung Luật - Sinh năm: 1978; trú tại: Đội 1, Hợp tác xã 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Cao Thị Ngọc Phúc - Sinh năm: 1985; trú tại: Thôn 4, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện tại: Thôn Thái Giao, huyện N, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG THẢO LUẬN, BẦU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập hợp, có ý kiến vắng văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Kết quả Bểu quyết: 3/3.

2. Nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Điều luật áp dụng: Căn cứ: khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Lyhôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" của ông Trần Trung Luật với bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung Luật được ly hôn với anh bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 22-5-204 cho ông Trần Trung Luật trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Cháu Dương đang ở cùng ông Luật). Bà Cao Thị Ngọc Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Luật không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về án phí: Ông Trần Trung Luật phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Tòa án ông Luật đã nộp theo Bên lai tu tiền số 0006067 ngày 10-6-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Kết quả Bểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09h30' ngày 30 tháng 10 năm 2020

Bên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Tuấn trình bày trong thời gian chung sống ông và bà Du có mâu thuẩn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, trong thời gian không chung sống không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống.